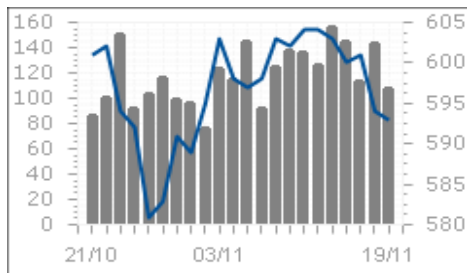


## HOSE

19/11/2014

VNINDEX	588.35	-5.90	-0.99%
KLGD	162,360,597	CP	
GTGD	2,888.96	Tỷ	
GTR NDTNN	-	26.16	Tỷ
CP Tăng giá	69	CP	
CP Giảm giá	145	CP	
CP Đứng giá	90	CP	



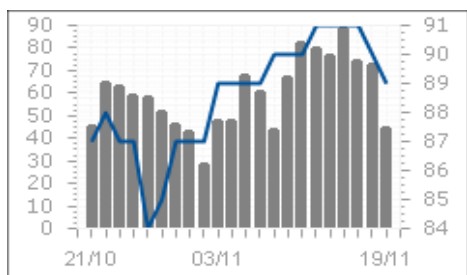
## Tâm điểm

- ▶ **Chỉ số 2 sàn mất điểm khá mạnh nhưng lực cầu vẫn duy trì tích cực**
- ▶ **Lực cầu vẫn sẵn sàng mỗi khi thị trường giảm**  
 NĐT Nước ngoài vẫn tiếp tục bán ròng, nhưng mức độ đã giảm đáng kể
- ▶ **10 tháng, Việt Nam xuất siêu 18,3 tỷ USD sang Mỹ**  
 Mỹ đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam đến nay  
 Hai quan Viet Nam
- ▶ **Vietcombank hạ lãi suất huy động VND**  
 Ngày 18/11, Vietcombank đã điều chỉnh lãi suất ở một số kỳ hạn VCB
- ▶ **BOJ duy trì gói kích thích khổng lồ do kinh tế suy thoái**  
 Ngân hàng Trung ương Nhật Bản cho biết sẽ tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng định DVO/Reuters
- ▶ **VHC: lãi đậm 274 tỷ đồng quý 3/2014**  
 Với mức lãi này VHC đạt mức tăng trưởng ấn tượng 460%  
 DVO/PVN
- ▶ **LCG: Lãi ròng 9 tháng đạt gần 21 tỷ đồng**  
 Với mức lãi này LCG đã hoàn thành được 75% kế hoạch năm  
 DVO

## HNX

19/11/2014

HNXINDEX	89.64	-0.61	-0.67%
KLGD	79,805,668	CP	
GTGD	1,188.52	Tỷ	
GTR NDTNN	-	2.10	Tỷ
CP Tăng giá	73	CP	
CP Giảm giá	118	CP	
CP Đứng giá	188	CP	



## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,068,450	14.5	3.1	18.9%	10.1%
HNX	149,060	14.3	1.9	9.1%	4.4%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,217,510</b>	<b>15.0</b>	<b>3.1</b>	<b>19.0%</b>	<b>9.7%</b>

### Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,087	6.8	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,058	9.6	1.6	16.9%	10.5%
Khai khoáng	39,325	13.5	2.0	22.5%	10.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,576	91.9	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng	25,940	14.2	1.5	13.7%	7.6%
Máy công nghiệp	33,267	32.1	1.3	-0.4%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,590	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,326	9.0	1.5	18.3%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,977	11.5	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	22,888	11.1	2.0	21.8%	7.4%
Dược phẩm	192,091	24.5	4.7	19.0%	14.7%
Phần mềm	15,958	12.7	2.9	22.4%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	17,184	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,907	10.0	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	201,915	16.5	5.4	32.5%	22.0%
Môi giới chứng khoán	25,926	20.6	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	29,526	12.6	1.7	11.3%	7.8%
Bất động sản	236,164	11.2	1.2	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	173,643	17.0	3.0	19.2%	4.8%
	48,438	11.0	2.3	21.9%	9.2%

## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	623.66	-4.18	-0.67%
HNX30	181.64	-1.21	-0.66%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

### VietinBankSc

306 Ba Trieu  
 Hai Ba Trung  
 Hanoi  
 Vietnam  
 Tel: (844) 3974 7952  
 Fax: (844) 3974 1760  
[www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**10 tháng, Việt Nam xuất siêu 18,3 tỷ USD sang Mỹ**

**Vietcombank hạ lãi suất huy động VND**

**BOJ duy trì gói kích thích khổng lồ do kinh tế suy thoái**

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**VHC: lãi đậm 274 tỷ đồng quý 3/2014**

**LCG: Lãi ròng 9 tháng đạt gần 21 tỷ đồng**

**Tăng vốn điều lệ của Viettel lên 100.000 tỷ đồng**

## ► Tin kinh tế

Theo số liệu của Tổng Cục Hải Quan Việt Nam, Mỹ hiện đang là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với tổng giá trị xuất khẩu 10 tháng đạt 23,6 tỷ USD, riêng trong tháng 10 xuất khẩu đạt 2,7 tỷ USD. Ở chiều ngược lại, Việt Nam nhập khẩu từ Mỹ trong tháng 10 là 594 triệu USD, lũy kế 10 tháng đạt 5,2 tỷ USD. Như vậy, Việt Nam đã xuất siêu sang Mỹ hơn 18,3 tỷ USD. 10 tháng đầu năm 3 nhóm mặt hàng dệt may, giày dép các loại, túi xách, ba lô, ví ô dù đóng góp hơn 11 tỷ USD; trong đó chỉ tính riêng Hàng dệt may và Giày dép đóng góp 46% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này.

Ngày 18/11: Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank - VCB) vừa điều chỉnh lãi suất huy động VND một số kỳ hạn từ 0,1 đến 0,5 điểm %, đây là lần thứ 4 Vietcombank điều chỉnh lãi suất trong năm nay. Cụ thể, kỳ hạn 1 tháng giảm từ 4,5%/năm xuống 4%/năm. Kỳ hạn 2 tháng giữ nguyên ở 4,5%/năm. Kỳ hạn 3 tháng giảm từ 5% xuống 4,9%/năm. Kỳ hạn 6 tháng giảm từ 5,5% xuống 5,3%/năm, kỳ hạn 9 tháng giảm từ 5,5% xuống 5,4%/năm. Lãi suất huy động VND cao nhất giảm từ 6,8%/năm xuống còn 6,3%/năm tại các kỳ hạn từ 24 đến 60 tháng. Lãi suất VND kỳ hạn 12 tháng giữ nguyên ở mức 6,2%/năm. Lãi suất không kỳ hạn cũng giữ nguyên ở 0,8%/năm.

Hôm nay 19/11, ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) cho biết sẽ tiếp tục chính sách nới lỏng định lượng nhằm hỗ trợ chính sách Abenomics. Theo đó, không nằm ngoài dự đoán của các chuyên gia, BOJ vẫn cam kết sẽ tăng cung tiền hàng năm lên 80 nghìn tỷ yên từ mức 50 nghìn tỷ yên trước đó. Hôm qua 18/11, Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã tuyên bố hoãn kế hoạch tăng thuế (dự kiến tiến hành vào tháng 10/2015) 18 tháng do kinh tế bất ngờ rơi vào suy thoái. Ông Abe cũng bắt tay vào triển khai gói kích thích mới để hỗ trợ lạm phát và đà phục hồi kinh tế.

## ► Tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (HOSE: Mã VHC) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3 và 9 tháng đầu năm với lợi nhuận khởi sắc. Tính riêng quý 3/2014, Vĩnh Hoàn lãi ròng 274 tỷ đồng, vượt xa con số cùng kỳ (59,5 tỷ đồng), tỷ lệ tăng trưởng đạt 460,5%. Lũy kế 9 tháng, VHC lãi ròng 376 tỷ đồng, bằng 2,5 lần lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2013. EPS 9 tháng đầu năm 2014 của VHC đạt 6.217 đồng/cổ phiếu. Chỉ riêng quý 3, lợi nhuận của Vĩnh Hoàn đã vượt kế hoạch LNST 200 tỷ đồng cả năm. Sau 9 tháng, VHC hoàn thành gấp đôi kế hoạch lợi nhuận đã được ĐHCĐ thường niên giao phó. Tài sản của Vĩnh Hoàn cũng tăng lên 1,58 lần sau 9 tháng, đạt 4.034 tỷ đồng.

CTCP Licogi 16 (HOSE: LCG) vừa công bố BCTC quý 3/2014 với tình hình kinh doanh ghi nhận nhiều điểm khởi sắc so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể doanh thu quý 3 đạt hơn 310 tỷ đồng, gấp 3.2 lần so với cùng kỳ năm trước (96 tỷ đồng). Chi phí tài chính giảm gần 9%, xuống còn 13.3 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí bán hàng tăng mạnh lên 7.3 tỷ đồng, gấp 3.7 lần so với cùng kỳ. Quý 3/2013 LCG ghi nhận lỗ gần 31 tỷ đồng, song kết quả kinh doanh kỳ này đã có nhiều khởi sắc hơn khi lãi ròng ghi nhận gần 7.4 tỷ đồng. Lũy kế qua 9 tháng đầu năm, LCG thu về 17 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (LNTT) và 20.6 tỷ đồng lãi ròng, cùng kỳ lỗ đến 91 tỷ đồng. Với kết quả này, hiện LCG đã thực hiện được 75% kế hoạch 2014 (LNTT: 22.4 tỷ đồng).

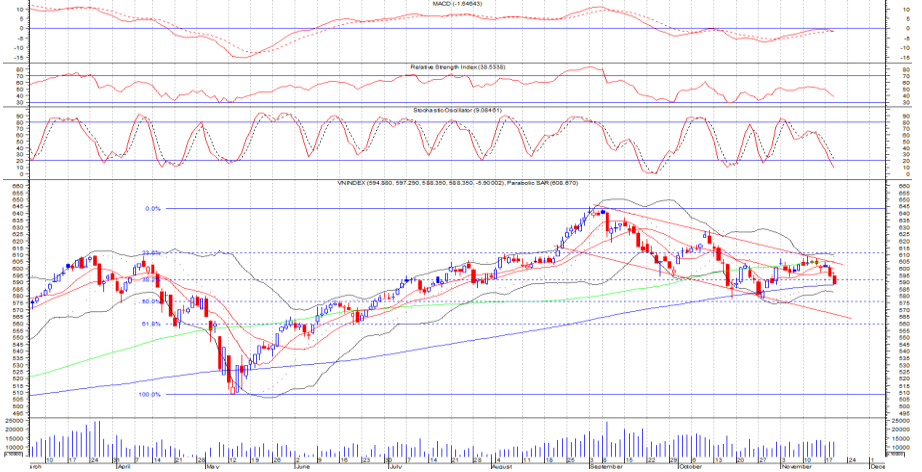
Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 101/2014/NĐ-CP về vốn điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel). Theo đó, vốn điều lệ của Viettel sẽ 100 nghìn tỷ đồng. Trước đó, năm 2009 vốn điều lệ của tập đoàn này là 50.000 tỷ đồng. Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn vốn điều lệ của tập đoàn Viettel đã tăng lên gấp đôi. Viettel có 7 công ty con do tập đoàn này sở hữu 100% vốn điều lệ, 10 công ty con sở hữu trên 50% vốn điều lệ, 10 công ty liên kết do Tập đoàn viễn thông Quân đội nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

**HOSE** 19/11/2014 VNINDEX 588.35 -5.90 -0.99% 162,360,597 CP 2,888.96 bil VND

**Chỉ số 2 sàn mất điểm khá mạnh nhưng lực cầu vẫn duy trì tích cực**

VN-Index giảm 5.90 điểm (-0.99%), đóng cửa tại mức 588.35 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index giảm điểm khá mạnh, chỉ số này lùi về vùng MA200, mốc hỗ trợ rất mạnh.

- MACD cho tín hiệu bán ra ở phiên hôm nay. Điều này cho thấy xu hướng giảm điểm VN-Index vẫn còn.
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm khá mạnh và đi vào vùng quá mua.
- RSI (14) sụt giảm mạnh về mốc 38.
- VN-Index rơi về vùng hỗ trợ rất mạnh MA200. Và rất nhiều lần chỉ số này hồi phục trở lại ở mốc này.



**HOSE Top 5** theo KLGD

FLC	0.3 (2.5%)	30,115,250
VHG	-0.5 (-2.8%)	7,827,360
SSI	-0.2 (-0.7%)	5,296,820
KBC	0.3 (1.8%)	4,360,180
ITA	0 (0.0%)	4,355,990

**HOSE Top 5** theo % tăng

SBC	1.3 (7.0%)	23,980
CIG	0.2 (6.9%)	1,620
DCL	3.3 (6.8%)	384,580
QBS	1.6 (6.8%)	1,320,150
TNA	1.8 (6.7%)	2,070

**HOSE Top 5** theo % giảm

STG	-1.8 (-6.9%)	2,000
HAI	-3.3 (-6.8%)	819,160
SII	-1.7 (-6.7%)	1,400
VLF	-0.4 (-6.2%)	7,030
VRC	-0.4 (-6.0%)	455,340

**HOSE Top 5** Mua ròng NDTNN

NBB	12,4 tỷ	646,660
HSG	7,5 tỷ	150,200
DQC	2,3 tỷ	32,400
ABT	2,3 tỷ	43,990
VCF	1,9 tỷ	9,410

**HOSE Top 5** Bán ròng NDTNN

KDC	-104,3 tỷ	1,884,990
MSN	-89,5 tỷ	1,105,020
VIC	-20,7 tỷ	424,140
GAS	-5,0 tỷ	48,100
KBC	-3,2 tỷ	191,000

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	-183,140	- 26.16

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ TT có chút hồi phục ở đầu phiên sáng, tuy nhiên việc nguồn cung vẫn đang chiếm ưu thế, đặc biệt là các trụ đỡ không thể giữ được giá khiến VN-Index mất điểm khá mạnh.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 113 triệu. Lực cầu vẫn rất sẵn sàng mỗi khi giá bị giảm quá mạnh. Đây là dấu hiệu khá tích cực.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 26 tỷ. Khối ngoại giảm lượng bán ròng là một tín hiệu tích cực trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ VN-Index tiếp tục mất điểm mạnh về cuối phiên, tuy nhiên với lực cầu duy trì tốt hiện nay chúng tôi cho rằng chỉ số này có thể sẽ hồi phục trở lại ở những phiên tới.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Việc dùng đòn bẩy vẫn chưa nên sử dụng bởi rủi ro lớn sẽ xảy ra nếu VN-Index phá vỡ MA200.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	101.0	191,395.00	16.9	5.5	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	101.0	101,011.98	17.7	5.7	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	26.6	70,889.54	15.7	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.4	70,400.47	18.1	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	80.0	58,864.65	- 468.5	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.1	52,500.00	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.3	1.2	13.6%	0.8%
PVD	303.0	88.5	26,818.77	11.4	2.5	22.6%	10.8%
HPG	481.9	55.5	26,745.90	8.7	2.4	30.2%	14.7%
BVH	680.5	37.8	25,721.82	20.6	2.2	10.4%	2.2%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

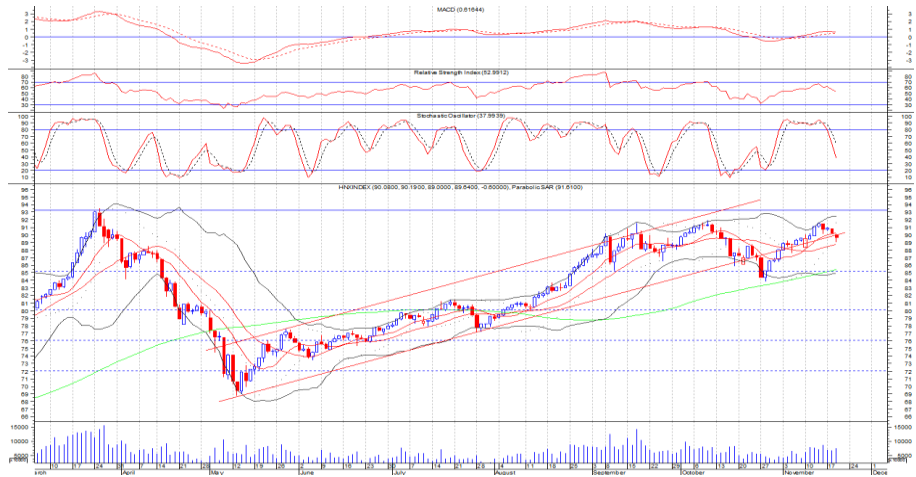
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.6	779.10	13.1	0.9	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.1	848.35	19.7	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.2	2,218.12	7.0	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.0	3,001.58	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.0	635.03	2.1	1.0	NA	TH.DOI

**HNX** 19/11/2014 HNX-Index 89.64 -0.61 -0.67% 79,805,668 CP 1,188.52 bil. VND

**Chỉ số 2 sàn mất điểm khá mạnh nhưng lực cầu vẫn duy trì tích cực**

Chỉ số HNX-Index giảm 0.61 điểm (-0.67%), đóng cửa tại mốc 89.64 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, HNX-Index tiếp tục giảm điểm phiên thứ 4 liên tiếp.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm khá mạnh ở phiên hôm nay.
- MACD dừng đà tăng điều này cho thấy lực tăng của HNX-Index đang yếu dần.
- RSI (14) sụt giảm về mốc 52.
- Parabolic SAR cho tín hiệu bán ra ở phiên hôm nay.
- MA20 sẽ là ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của chỉ số này.



**HNX Top 5** theo KLGD

KLF	0.7 (4.6%)	27,635,450
PVX	-0.1 (-1.6%)	6,787,690
CEO	-1.6 (-9.0%)	4,022,600
SCR	0 (0.0%)	3,634,100
FIT	-0.1 (-0.3%)	3,282,010

**HNX Top 5** theo % tăng

BTH	0.9 (10.0%)	1,200
PEN	1 (10.0%)	400
ITQ	1.9 (9.9%)	97,940
DAC	0.8 (9.8%)	600
VTV	1.8 (9.7%)	129,000

**HNX Top 5** theo % giảm

TV2	-3.1 (-9.7%)	2,500
VLA	-1.2 (-9.6%)	1,300
CEO	-1.6 (-9.0%)	4,022,600
CTB	-3 (-8.6%)	300
VC1	-1.6 (-8.2%)	1,700

**HNX Top 5** Mua ròng NDTNN

PVC	1,4 tỷ	40,000
PVX	1,2 tỷ	200,000
IVS	1,1 tỷ	91,500
NTP	0,7 tỷ	13,500
RCL	0,3 tỷ	10,000

**HNX Top 5** Bán ròng NDTNN

KLF	-1,6 tỷ	100,000
PVS	-0,8 tỷ	21,000
NAG	-0,4 tỷ	54,900
HMH	-0,3 tỷ	9,000
DBC	-0,2 tỷ	7,000

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HNX	198,380	2.10

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ TT có chút hồi phục ở đầu phiên sáng, tuy nhiên việc nguồn cung vẫn đang chiếm ưu thế, đặc biệt là các trụ đỡ không thể giữ được giá khiến HNX-Index mất điểm khá
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 75 triệu. Lực cầu vẫn rất sẵn sàng mỗi khi giá bị giảm quá mạnh. Đây là dấu hiệu khá tích cực.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 2 tỷ. Khối này mua ròng trở lại là một tín hiệu khá tích cực. Vì dòng vốn ngoại vẫn mang yếu tố khá quan trọng.
- ▶ HNX-Index nhiều khả năng sẽ được hỗ trợ khá tốt khi lùi về vùng MA20, với lực cầu như hiện nay, chúng tôi kỳ vọng chỉ số này sẽ hồi phục trở lại.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Việc dùng đòn bẩy vẫn chưa nên sử dụng.

**HNX - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	39.4	17,600.00	10.7	2.1	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.6	14,192.58	26.4	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.5	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.8	5,653.90	8.7	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.6	4,187.94	13.0	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	52.0	2,929.64	8.1	2.3	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.5	2,818.13	8.7	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	31.7	2,467.27	6.9	1.9	25.6%	14.6%

**HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.5	1,349.00	8.5	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.9	629.64	6.0	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.4	2,076.98	11.2	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.0	2,929.64	8.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.2	1,710.00	8.6	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	15.22%	80.0	- 468.54	4.16	182,970	175,102	207,203
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	12.53%	48.4	18.11	3.83	1,167,356	1,241,578	2,072,493
PVD	HOSE	303.0	26,818.77	11.71%	88.5	11.38	2.46	354,215	381,267	554,762
HPG	HOSE	481.9	26,745.90	11.57%	55.5	8.69	2.39	328,358	408,935	726,760
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	7.45%	24.4	10.29	1.33	3,894,261	3,492,101	3,955,081
KDC	HOSE	255.2	14,289.02	7.00%	56.0	22.41	2.05	1,651,396	1,244,197	956,876
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	5.69%	18.6	8.63	1.19	222,724	284,807	421,247
VCB	HOSE	2,665.0	70,889.54	5.16%	26.6	15.65	1.66	178,377	243,847	445,510
DPM	HOSE	379.9	11,056.09	4.04%	29.1	9.36	1.22	319,161	410,449	962,567
KBC	HOSE	389.8	6,625.92	2.83%	17.0	15.44	1.25	5,687,864	5,384,987	5,016,393
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.64%	8.7	51.22	0.79	6,250,528	5,374,303	7,727,594
HSG	HOSE	96.3	4,709.71	1.95%	48.9	11.69	2.02	212,962	231,819	355,677
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	1.83%	37.8	20.63	2.17	176,273	198,043	254,164
HVG	HOSE	132.0	4,157.99	1.55%	31.5	14.40	1.74	1,648,201	1,546,175	1,918,936
FLC	HOSE	314.9	3,873.19	1.53%	12.3	7.04	1.00	17,753,529	13,408,053	15,364,847
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	1.47%	24.4	10.66	1.44	210,009	271,175	578,471
DRC	HOSE	83.1	4,901.36	1.41%	59.0	14.30	3.45	53,378	60,865	162,049
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.37%	17.2	15.16	1.47	2,136,083	1,794,149	2,264,160
CSM	HOSE	67.3	3,021.41	1.32%	44.9	8.77	2.40	79,362	112,124	230,047
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.16%	14.5	20.28	1.10	475,444	507,215	645,878
OGC	HOSE	300.0	2,760.00	0.56%	9.2	34.33	0.88	6,274,571	7,380,095	5,216,459

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	8.53%	80.0	- 468.54	4.16	182,970	175,102	207,203
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	7.57%	48.4	18.11	3.83	1,167,356	1,241,578	2,072,493
VCB	HOSE	2,665.0	70,889.54	7.13%	26.6	15.65	1.66	178,377	243,847	445,510
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	6.62%	18.6	8.63	1.19	222,724	284,807	421,247
PVS	HNX	446.7	17,600.00	5.75%	39.4	10.74	2.05	1,272,834	1,774,307	3,509,120
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	4.51%	37.8	20.63	2.17	176,273	198,043	254,164
DPM	HOSE	379.9	11,056.09	4.25%	29.1	9.36	1.22	319,161	410,449	962,567
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	4.04%	24.4	10.29	1.33	3,894,261	3,492,101	3,955,081
PVD	HOSE	303.0	26,818.77	3.90%	88.5	11.38	2.46	354,215	381,267	554,762
PPC	HOSE	318.2	7,762.97	3.14%	24.4	10.66	1.44	210,009	271,175	578,471
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.29%	8.7	51.22	0.79	6,250,528	5,374,303	7,727,594
FLC	HOSE	314.9	3,873.19	2.85%	12.3	7.04	1.00	17,753,529	13,408,053	15,364,847
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.54%	8.7	9.53	0.75	2,329,028	2,827,734	4,960,856
VCG	HNX	441.7	5,653.90	2.12%	12.8	8.69	1.02	1,350,983	1,299,373	1,529,831
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.78%	17.2	15.16	1.47	2,136,083	1,794,149	2,264,160
OGC	HOSE	300.0	2,760.00	143.00%	9.2	34.33	0.88	6,274,571	7,380,095	5,216,459
DRC	HOSE	83.1	4,901.36	1.00%	59.0	14.30	3.45	53,378	60,865	162,049
IJC	HOSE	274.2	3,619.37	0.65%	13.2	21.52	1.26	624,716	696,438	1,445,026
PVX	HNX	400.0	2,440.00	0.00%	6.1	- 2.71	2.69	6,450,829	5,811,684	9,118,702

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	0.00%	48.4	18.11	3.83	1,167,356	1,241,578	2,072,493
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.00%	80.0	- 468.54	4.16	182,970	175,102	207,203
DPM	HOSE	379.9	11,056.09	0.00%	29.1	9.36	1.22	319,161	410,449	962,567
HAG	HOSE	789.9	19,273.54	0.00%	24.4	10.29	1.33	3,894,261	3,492,101	3,955,081
VCB	HOSE	2,665.0	70,889.54	0.00%	26.6	15.65	1.66	178,377	243,847	445,510
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	0.00%	18.6	8.63	1.19	222,724	284,807	421,247
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	0.00%	37.8	20.63	2.17	176,273	198,043	254,164
CTG	HOSE	3,723.4	52,500.00	0.00%	14.1	9.74	0.97	134,897	289,716	368,839
GAS	HOSE	1,895.0	191,395.00	0.00%	101.0	16.93	5.52	275,790	271,502	384,488

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	4.01%	80.0	- 468.54	4.16	182,970	175,102	207,203
VIC	HOSE	1,454.6	70,400.47	2.27%	48.4	18.11	3.83	1,167,356	1,241,578	2,072,493
PVD	HOSE	303.0	26,818.77	4.39%	88.5	11.38	2.46	354,215	381,267	554,762
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	0.89%	18.6	8.63	1.19	222,724	284,807	421,247
VCB	HOSE	2,665.0	70,889.54	1.28%	26.6	15.65	1.66	178,377	243,847	445,510
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	1.79%	37.8	20.63	2.17	176,273	198,043	254,164

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

19 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,087	6.8	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,058	9.6	1.6	16.9%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,049	16.1	1.0	5.5%	2.2%
Sản xuất giấy	904	6.6	1.0	14.1%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,325	13.5	2.0	22.5%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,943	3.6	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,576	91.9	6.2	-4.0%	-3.3%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,940	14.2	1.5	13.7%	7.6%
Xây dựng	33,267	32.1	1.3	-0.4%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,253	9.8	1.2	15.6%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,398	9.2	1.5	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,508	8.2	1.0	12.0%	5.6%
Thiết bị điện	2,022	35.9	1.0	2.1%	0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	53	17.4	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,590	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,666	3.5	1.1	5.4%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,326	9.0	1.5	18.3%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,839	7.4	1.6	22.3%	13.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,030	12.5	2.0	16.5%	11.1%
Đào tạo & Việc làm	278	14.4	0.8	6.5%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	200	9.1	0.9	12.1%	4.9%
Chất thải & Môi trường	200	3.0	0.9	33.7%	15.8%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,308	13.8	1.3	14.5%	7.1%
Lốp xe	8,977	11.5	3.0	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,597	7.1	1.3	17.6%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	325	14.1	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	22,888	11.1	2.0	21.8%	7.4%
Thực phẩm	192,091	24.5	4.7	19.0%	14.7%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	74	20.9	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,084	8.5	1.5	19.6%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	593	37.5	1.5	3.6%	2.5%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,828	9.0	1.8	19.7%	7.6%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,189	10.3	2.1	19.0%	9.8%
Thuốc lá					
Thuốc lá	724	10.4	1.1	-1.6%	4.1%

19 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,913	8.8	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	163	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	213	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,958	12.7	2.9	22.4%	14.9%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	277	44.0	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	766	10.7	1.3	13.8%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,062	10.6	1.8	18.4%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,113	9.2	1.0	10.8%	7.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,637	55.3	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,202	20.5	2.1	11.1%	9.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,775	18.7	3.6	23.4%	20.1%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	790	11.8	1.0	8.8%	3.3%
Internet	370	78.0	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,184	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	484	14.7	0.8	4.9%	1.9%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,963	34.8	6.8	33.9%	11.4%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,907	10.0	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	201,915	16.5	5.4	32.5%	22.0%
Nước	1,194	6.4	1.1	16.9%	11.4%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,445	8.6	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,816	11.8	0.7	6.5%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,792	8.7	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,926	20.6	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,025	36.5	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	29,526	12.6	1.7	11.3%	7.8%
Ngân hàng					
Ngân hàng	236,164	11.2	1.2	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	173,643	17.0	3.0	19.2%	4.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,438	11.0	2.3	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.